

Thư Cho Lê Tín

Góp Ý Về Cơ Cấu Việt Nho

Việt Nhân

BÀN VỀ CƠ CẤU VIỆT NHO

BÀI MỘT

Bài của Sinh viên Tôn Phi do Sinh Viên Lê Tín, Trưởng Ban Truyền Thông của Nghiệp đoàn Sinh Viên Việt Nam gửi tới.

Bài điểm sách Cơ cấu Việt Nho của Lương Kim Định

Một câu chuyện nữ Oa và Phục Hy kết hôn rồi sinh ra con cháu Viêm Việt, tác giả đã dùng nó để lý giải cả nền văn minh Viêm Việt lừng lẫy bên bờ nam sông Dương Tử. Và những sự tích như sự tích Trầu Cau, Kim Định đã giải nghĩa ra ý ngậm của tác giả dân gian trong đó, ẩn chứa một triết lý khoa học.

Trong các thứ triết lý trên đời, có thể quy ra bốn cấp bậc: dụng-từ-ý-cơ thì triết của văn minh phương Tây mới đạt đọt ý, trong khi văn minh Viêm Việt ở bờ nam sông Dương Tử đã đạt đến đọt cơ, theo triết gia Kim Định chứng minh. Vậy là, triết Việt nằm ở đỉnh cao của triết nhân loại.

Sách Cơ cấu Việt Nho nói về một thứ Việt Nho nguyên thủy, bằng giọng văn hết sức gợi mở, kể về những câu chuyện thần thoại rồi giải nghĩa nó ra và kết quả là khớp gần như 100% với văn hóa Việt Nam, giải thích được tình trạng xã hội qua các thời kỳ.

Ngoài ra, tác giả Lương Kim Định chỉ ra được Cơ cấu Việt Nho giúp một cá nhân con người

đạt đến hoàn thiện tùy theo khả năng riêng mình, mà vẫn giữ được sự hài hòa trong cơ cấu chung của cộng đồng làng nước Việt Nam, và sau này là toàn xã hội.

Đây là cái đại tài của triết gia Lương Kim Định với phương pháp huyền sử của ông, cái tài làm cho những câu chuyện thần thoại bộc lộ ý nghĩa và ý nghĩa đó sử dụng được cho đến tận ngày hôm nay.

Trong suốt 4 năm, tôi không được bắt kỳ thầy cô nào trong khoa văn học giới thiệu về tác gia Lương Kim Định, điều này làm tôi lấy làm lạ lắm. Tôi không nói rằng nhận định của Kim Định đúng 100%, nhưng thực sự công nhận công sức khai mở vô cùng lớn của ông, hầu đem đến cho thanh niên Việt Nam nguồn cảm hứng vô hạn tìm về những kỷ niệm ban đầu của tổ tiên, điều mà chúng ta sẽ gọi là Việt lý tổ nguyên. Vào cái buổi mà Nho giáo chưa bị tầng lớp thế tập nhà Hán xuyên tạc, Nho giáo là một triết lý chân chính, hiền lành dễ thương, đưa con người đến với con người.

Điều kỳ lạ của tác gia Lương Kim Định là, đọc một cuốn trong bộ sách 35 tập của ông thì bạn đã hiểu 34 cuốn còn lại. 34 cuốn còn lại chỉ là gọi mở thêm thôi. Bộ sách có tác dụng đào tạo các tông đồ về mặt trận văn hóa, nhằm tái lập Cơ cấu Việt Nho thành nền triết lý chủ đạo cho dân tộc Việt Nam.

Nếu không có thời gian để đọc hết 342 trang cuốn Cơ cấu Việt Nho, thì bạn hãy đọc chỉ 139 trang Vấn đề Quốc học. Lý do thì đã nói ở trên, đọc một cuốn của Kim Định thì cũng như đã đọc hết những cuốn còn lại, cuốn Vấn đề Quốc học ngắn gọn hơn và nêu lên sứ mệnh của Kim Định trong suốt cả bộ sách phân tích tinh hoa của triết lý Viêm Việt, mà thể hiện đầy đủ nhất trong phương pháp huyền sử được sử dụng trong cuốn Cơ cấu Việt Nho.

- Tinh hoa của ông, cho đến nay, vẫn ít người sánh kịp. Những người muốn viết ngắn-và sinh động như ông, cho mỗi vấn đề nhân sinh, hiện rất hiếm, và hầu hết sa đà vào dài dòng văn

tự, vào các tiêu tiết cúng bái, vào hình thức, mà không đi được vào thực chất nội dung.

Người biết biết một tin thời sự thành một nội dung được giải thích bằng vài dòng ngắn gọn và diễn giải nó bằng minh triết Việt Nho lại càng hiếm, cho nên một thuyết sinh động như Việt Nho bị hiểu nhầm là không có tính thời sự, là hoài cổ...Cho nên có thể nói rằng Lương Kim Định một đi không trở lại.

Nghiệp đoàn sinh viên Việt Nam đang có kế hoạch đào tạo ra những cán bộ- những tông đồ về văn hóa, đáp ứng được những tiêu chuẩn căn bản kể trên.

Tác giả: **Tôn Phi**

Sinh viên ngành văn học, Khóa 2014-2018, trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 697 Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại (Signal, Whatsapp, Line): +84344331741

Chứng minh nhân dân (ID Card): 183969861

BÀI GÓP Ý

Cháu Lê Tín,

*Cảm ơn Cháu đã gửi bài của Sinh Viên **Tôn Phi** về **Cơ cấu Việt Nho** cho Bác. Bác xin được góp đôi lời cùng hai Cháu:*

Cháu Tôn Phi chấp nhận được Huyền sử là điều rất hay, vì Huyền sử nói ở chỗ này mà ý thì lại ở nơi kia, có thể Hội ý, nên có khi khó giải thích bằng Lý theo khoa học được. Huyền sử có phần thuộc lãnh vực Tình có thể cảm nghiệm (feel) rồi Thể nghiệm (experience) mà không thể suy tư (think) để hiểu rõ theo Lý, nên những vị duy Lý, duy Sử không chấp nhận Huyền sử.

Việt Nho có nền tảng từ Huyền sử Việt, nếu ai không chấp nhận Huyền sử thì khó mà lãnh hội được Việt Nho.

Sau đây là một số Ý kiến về Huyền sử:

A.- Ý kiến của Kim Định về Huyền sử

I.- Trong Việt Lý Tố Nguyên

Huyền sử là sử của những Truyền kỳ, của những Huyền thoại. “Huyền thoại là tiếng nói của Tâm thức cộng đồng khác với Lịch sử là phạm vi của Lý trí. Nhưng vì trong thực tế không thể phân biệt hẳn hai phạm vi nên hay có sự lẫn lộn nơi các tác giả, kể các tác giả có viết sách thực sự, nên đầy rẫy những lẫn lộn “ông nói gà, bà nói vịt “. Bà là Tâm thức nói về thực tại bao la như Văn hoá, còn Ông Lý trí lại đi nói về thực tại rõ rệt như Chính trị.

Vì thế cần thiết lập một môn mới để khai thác các nền móng kia mà môn đó tôi muốn thử khai mạc ở đây và xin đặt tên là Huyền sử.

Chữ Huyền nói lên tính chất u linh (Việt điện U linh cũng như Lĩnh Nam trích quái). Còn Sử đi với Huyền là một thứ sử rất mông lung với những niên kỷ co giãn như cao su kiểu 18 đời Hùng Vương, với những bờ cõi chập chờn sồi sục và mệnh mông của các nước Xích Quỷ, Văn Lang.

Vì lơ mơ, nên Duy Sử cho là mơ hồ quái đản, đáng thái bỏ, ngược lại nếu là Thi sĩ thì lại chấp nhận trọn vẹn kiểu nghĩa đen. Hai Tâm hồn đó không ở với nhau được. Nhưng cả hai đều đáng quý, vì cả hai đều có những đóng góp rất giá trị cho sự tiến hóa của con người.

Vì thế Huyền sử muốn mở ra một đường hướng dần hoà hai phe Tân Cựu: nó muốn duy trì Hồn Thơ của các cụ xưa, đồng thời áp dụng đúng mức phương pháp Khoa học của thời nay: nó muốn là một nhà Khoa học ưa thích nguồn Thơ, hay lại muốn mơ mộng, nhưng lại theo lối khoa học. Để được như thế, nó tính đi lối Toàn thể nghĩa là dùng tất cả Khảo cổ, Lịch sử, Văn hoá, Văn chương, Truyền kỳ, Thần thoại, nhất là lối nhìn toàn cảnh: đặt nặng trên những điểm tựa có bảo đảm, để tìm được ra những gì ẩn hiện mung lung, và cuối cùng dẫn đến một thứ Triết sử hay là Văn hoá sử, không là Văn học cũng không là Văn minh.

Vì Việt Nam và Trung Hoa cổ đại có cùng một nền Văn hoá, ít ra đại đồng tiểu dị, nên Huyền sử của Trung Hoa có liên hệ mật thiết với Huyền sử của Bách Việt, trong đó có Tổ Tiên chúng ta.

Do đó Trung Hoa cổ đại đối với ta phải có hai khía cạnh là Văn hoá với Chính trị. Thường tình người ta chỉ xem nước Tàu như một thực thể Chính trị, mà quên mất khía cạnh Văn hoá chung trong quá trình hình thành tạo dựng. Đó là điều thiếu sót cần được bổ khuyết.

Muốn lên tận đoạn đó chúng ta phải vượt qua giai đoạn Tàn Hán, để đi từ Khổng tử trở lên đến quãng khuyết sử mịt mờ, lúc mà những Tiên nhân ta còn sống dưới quyền hướng dẫn của họ Hồng Bàng trong miền Hoa Hạ, tức là miền sông Lạc, sông Hà và vùng Hồ Quảng, trong những miền đất của Kinh, Sở, Mán, Châu Dương, Động Đình hồ, An Huy (sông Hoài), Chiết Giang, Giang Tô, Bành Lãi. Đây là những lãnh vực mà Tiên Tổ ta đã có những mối liên hệ về Chính trị, Kinh tế, Văn hoá với các dân vùng xung quanh: và do đó đã lập thành cái nhân của Dân tộc chúng ta. Có thể quả quyết rằng cái gì đã xảy đến cho những dân Man, Miêu, Thái, Ngô, Di, Địch, Sở, nhất là Sở, thì cũng đã âm vang tới Tiên nhân ta. Bởi vậy phải coi Dương Tử giang như xương sống, các châu Kinh, Dương, Hoài, các nước Ngô, Việt, Sở, các hồ Động Đình, Bành Lãi, Thái Hồ như liên bang cùng chung vận hệ lịch sử ...

Đây là những vùng âm u, theo nghĩa còn bờ cõi cố định với những sử liệu xác thiết, nhưng bó buộc chúng ta phải lặn lội tìm tòi, nếu ta muốn tìm xa về cội Nguồn của nước nhà, vì đây là một thời mang nặng những nguyên tố cấu tạo nên Tâm thức của Dân tộc, nên ta coi việc

ngiên cứu này như một cuộc hành hương tìm về với những trang Huyền sử rất nắm sai bài học và lúc ấy chúng ta sẽ thấy về Văn hoá thì Huyền sử nước Tàu không còn là của riêng nước Tàu nhưng trở thành Di sản chung cho cả khối Văn hoá của liên bang Bách Việt, nơi mỗi nước Viễn Đông phải tìm về và đưa ra một dịch bản soi sáng cho từng ngành văn hóa riêng của mình, sao cho duy trì được cả gốc chung cũng như cả ngành riêng. Bí quyết của sự thống nhất và đồng thời nằm ở chỗ đó.

Huyền sử Trung Hoa gồm 3 giai đoạn: là Tam Hoàng, Ngũ Đế và Tam Đại.

Tam Hoàng là: Toại Nhân, Phục Hy và Thần Nông (thuộc Viêm Việt).

Ngũ Đế là: Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Nghiêu, Thuấn.

Tam Đại gồm: nhà Hạ (Vũ) 2205, nhà Thương (Thành Thang (1766), nhà Chu (Vũ Văn, Chu Công) 1122 (thuộc Hoa Việt). (Theo cách xếp của Tư Mã Quang) “

II.- Trong Dịch Kinh Linh Thể

“ **Sử mệnh nói lên Sứ mệnh của một Dân tộc** nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. **Sử mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và thường được các bậc Hiền triết của mỗi Dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang Huyền sử.** Huyền sử cũng là Lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả dĩ vãng lẫn tương lai, nên có tính cách siêu thời gian . Vì thế những trang huyền sử là quý nhất trong cái di sản thiêng liêng của một nước.

Nhưng chính vì chỗ thiêng liêng, chỗ bao la phi thời gian đó nên mung lung như ẩn như hiện, dễ bị con cháu dễ phai mờ mất ý thức. Do vị trí nằm trong Văn hoá Viễn Đông của Bách Việt, nên Sử mệnh Việt Nam có thêm hai đặc điểm :

Một là được phổ vào những truyện đầy Thơ mộng mà lại rất tinh khiết.

Thứ đến là được chất lọc để kết tinh vào một nền Minh triết siêu tuyệt rất gọn ghẽ để gửi lại cho con cháu vạn đại như bức Di chúc tinh thần.

Nhưng một điều không may đã xảy ra đến cho một Dân tộc là đã quên đi mất ý nghĩa của những trang Sử mệnh đó, và vì thế Nhân loại đang bước đến bờ vực thẳm.

Vì thế chúng ta cần đọc trở lại, cung kính lần từng trang Huyền sử nói lên cái Sứ mạng cao cả của Dân tộc hầu tìm ra Chủ đạo dẫn đường cho Dân nước trong giai đoạn nguy nan này ”.

(Dịch Kinh linh thể: Kim Định . An Việt Houston, tr. 7)

III.- Trong Kinh Hùng khái triết

“ **Huyền sử là Tự truyện của một Dân tộc, bao nhiêu những kinh nghiệm tích lũy từ không biết bao nhiêu đời Tiên Tổ kết tinh lại.** Xuyên qua đó thường được kể lại bằng những nét lung linh của Sử mệnh của Dân tộc, nên đó quả là những Di bảo thiêng liêng chứa chấp những giá trị thâm sâu nằm giáp miền Tiềm thức. Có thể nói tác giả đã dựng nên những Huyền thoại cũng chính là Tiềm thức cộng thông của tất cả Tiên Tổ đã góp phần vào việc kiến tạo Dân nước. Nói đến Tiềm thức là nói đến sự vượt biên cương Lý trí phân minh, nên trở thành âm u. Vì thế những niên đại, những địa danh cũng như các nhân vật phải được hiểu một cách co dãn, chập chờn, vì đó chỉ là những mảnh vụn của Lịch sử được Huyền sử dùng như tiêu biểu để nói lên những Tư tưởng hướng dẫn cuộc sống của Dân tộc, nên mang tên này hay tên khác, xảy ra nơi nọ hay nơi kia đều không quan trọng. Huyền sử thuộc vòng trong tiềm ẩn không nhằm ghi chép sự kiện hay biến cố ngoại diện như sử ký,

mà cốt nhằm phác hoạ những hình ảnh Văn hoá, những mẫu mực chung của lối Sống, Nghĩ, Cảm, là những dạng thức có liên hệ mật thiết với hoàn cảnh nơi ấy, nên khi nào, con cháu muốn tìm ra những làn sóng ngầm của lịch sử Dân tộc cũng như cái nhìn soi dọi vào đời sống hiện đại để tìm ra những mẫu mực căn bản thì cần phải mở một cuộc Hội thoại thăm thiết với những Di bảo họ. Việc đó có thể gọi theo tiếng nói ngày nay là làm Triết lý. Như thế Triết lý ở đây là một cuộc đào sâu kinh nghiệm sống của Tiên Tổ để lấy chất liệu tạo dựng những dạng thức canh tân hợp cảm quan thời đại ”.

(Kim Định : Kinh Hùng khái triết : Thanh niên xuất bản , tr. 13 – 14).

IV.- Trong Loa Thành Đồ Thuyết

“ Việt Nho không chỉ có nghĩa là của người Việt xét như con dân đất nước Việt Nam, dù rằng trong quá khứ Tổ tiên ta có đóng góp vào việc hình thành Nho giáo đến đâu đi nữa.

Vậy Việt Nho ở đây nhằm nghĩa là Đạo lý của những người biết vượt qua những cái bé nhỏ, biết siêu lên, biết đi mãi trên con đường Tiến hoá, một cuộc tiến hoá không biên cương, không bờ bến, không nói ra được, nên nhiều khi dùng lời âm u co dãn là Thần thoại là Huyền thoại. Huyền thoại có nhiều nghĩa:

Tầng thứ nhất là nghĩa đen nói đến cái gì thì hiểu về cái ấy, nói cái bọc 100 trứng thì hiểu có một cái bọc với 100 quả trứng. Đó là nghĩa Trứ hình, tức sáng lên trọn vẹn ở hình tích hiện tượng, đằng sau không còn chi nữa.

Tầng thứ hai chỉ những cái không hiện lên hình, nên có khả năng nhập thể ở nhiều trạng thái khác nhau, lúc đó sự việc dù có thể là thực, nhưng còn nhằm nói một cái gì cao hơn. Thí dụ Đế Minh gặp Tiên trên núi Ngũ Lĩnh có thể chỉ việc trai Bắc lấy gái Nam, nhưng đồng thời nó chỉ tinh thần Bắc phương giao thoa với văn hoá Nam phương.

Với ý này chúng tôi gọi là Huyền sử: Đó là một loại Minh triết nhưng trình bày bằng những mảnh vụn Lịch sử.

Đây là ý nghĩa **thuộc tầng thứ ba** liên hệ tới con Người xét là người không kể thuộc Dân nước nào cả, thí dụ bàn Cổ, Nữ Oa không còn là mảnh vụn của Sử nữa mà là những Sơ nguyên tượng của một nền Nhân chủ trung thực.

Trên đây là ba tầng ý nghĩa mà một câu truyện Thần thoại hay Truyền kỳ có thể bao hàm, nên thuộc cả Ý thức lẫn Tiềm thức. Duy lý là chủ thuyết xây trọn vẹn trên Ý thức, nên chỉ chấp nhận có nghĩa đen, vì thế bao nhiêu Thần thoại đều bị họ gạt đi như những truyện nhảm, phải vượt qua Duy lý mới nhận ra ý nghĩa sâu hơn.

Những tác giả được nhắc tới trong tập Loa Thành thuộc Tâm phân và Uyên tâm nhất là của Karl Jung. Đó là những tác giả sẽ giúp chúng ta phần nào trong việc trình bày kiểu lý giải (ít ra ở đợt đối chiếu) về cái miền âm u bất khả ngôn mà chúng ta lại cứ muốn ngôn.

Bởi chúng ở trong những tầng sâu thẳm thì biên cương giữa khả ngôn và bất khả ngôn nhập nhằng sồi sục, thế mà Lý trí con người cứ tiến mãi, nên phải đẩy xa mãi khả năng khai triển của mình ít ra tới hết mức có thể trong việc muốn vượt sang cõi vô biên. Đây là chỗ Việt Nho khác Duy lý.

Duy lý định cư lại trên Lý trí. Việt Nho cũng Lý trí nhưng không phải là để ở lại đấy, song là để đạt tới cái mệnh mông, đặt nhịp cầu hội thông giữa Ý thức và Tiềm thức, nói kiểu xưa là giữa Nội với Ngoại, giữa Thiên với Địa, giữa Âm với Dương.

Dù gọi bằng tên chi đi nữa nhưng chính là sự giao thoa giữa hai đối cực đó làm nên nhân tính và Đạo làm người chính là giúp hiện thực được sự giao thoa động đích đó. Thành tựu là thành non, thất bại là sa đọa.”

(Loa Thành Đồ thuyết: 2. Phương pháp Việt Nho. Tr. 11- 13. Kim Định)

B .- Ý kiến của học giả ngoại quốc về Huyền sử

“ Bộ Huyền thoại của một Dân tộc là là đạo Sống của Dân tộc đó. Nếu mất Huyền thoại thì thì bất cứ một Dân tộc nào, kể cả những Dân tộc Văn minh nhất cũng sẽ sụp đổ khủng khiếp .

(Karl Jung)

“ Bộ Huyền thoại của một dân tộc không phải là những chuyện hoang đường, mà là những chuyện gần Chân lý nhất, hơn nữa bộ Huyền thoại là gia sản quý báu nhất vì tính chất thiêng liêng điển hình và mang lại ý nghĩa sống ”.

(Mircea Eliade)

“ Không có bộ Huyền thoại thì không thể thành một Dân tộc được. Dân tộc nào không có bộ Huyền thoại không thể được coi là có Văn hoá hay văn minh gì hết, vì bộ Huyền thoại là những câu chuyện diễn tả Tinh thần của Dân tộc ở mức độ cao nhất và cũng là Di sản thiêng liêng của Dân tộc đó ”.

(Laurens Van Der post)

“ Mất bộ Huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ Tổ Tiên và mất luôn căn bản cho việc xây dựng Tiền đồ Dân tộc. Dân nào mất bộ Huyền thoại, Dân tộc đó quả thực bị coi như không còn nữa ”.

(Wallace Cliff)

Cháu Tôn Phi viết hay, chứng tỏ Cháu đã có vận dụng đến trực giác, chắc cháu đã nhận được đôi lời khai ngộ của T. G. Kim Định về Huyền sử cũng như Triết lý.

Huyền sử thì vượt Không gian và Thời gian, khác với Lịch sử, vì Lịch sử là những biến cố xảy ra trong Không và Thời gian xác định .

Phủ nhận Huyền sử là phủ nhận nguồn gốc của Văn hoá Dân tộc. Còn Minh Triết là lãnh vực mà các nhà làm Văn hoá Việt Nam ít để ý tới.

Huyền sử chứa Minh Triết, còn Triết của Đông phương gồm hai lãnh vực ngược nhau gồm Triết Thượng và Triết Hạ, khi dùng Dịch lý Âm / Dương hoà để làm sáng tỏ Triết Thượng và Triết Hạ giao thoa hay Luông nhất thì đạt Minh Triết .

Triết Thượng và Triết Hạ là cặp đối cực thuộc Dịch lý (Dịch : Nghịch số chi Lý): Triết Thượng thuộc lãnh vực Nội khởi (Quy tư về Tình), còn Triết Hạ thuộc lãnh vực Ngoại khởi (Suy tư về Lý, về Khoa học) , theo Dịch lý thì Triết Thượng và Triết Hạ có được Luông nhất thì mới trở thành Minh Triết, Minh Triết Việt là đặc điểm siêu việt của Việt Nho.

Theo Bác thì Mục tiêu của cuốn **Cơ cấu Việt Nho** là tìm về **Nền tảng của Nho** trong *Huyền thoại, Cổ vật, Cổ nghệ, Kiến trúc nhà cửa, cách ăn mặc, cách ăn nói, sinh hoạt của Dân tộc Việt Nam, nghĩa là trong Sức sống của con Người Việt Nam* .

Việc khám phá ra **Cơ cấu** có hai tác dụng là đánh tan niềm tin xưa nay cho Nho là của Tàu, Tàu đã dạy Nho cho Việt Nam (?), vì Việt Nho đã luân lưu trong huyết quản Nhân dân Việt Nam từ ngàn xưa, hai là khi đã tìm ra **Cơ cấu** thì Việt Nho không thể bị xuyên tạc như Nguyên Nho Vương đạo của Khổng Tử trở thành Hán Nho bá đạo. Vì thế nghiên cứu Việt Nho để tìm lại Tinh hoa của nền văn hoá Tổ Tiên hầu canh tân cuộc sống, đây là một việc làm tối thiết để cứu Dân dựng Nước.

Ngày xưa **Khổng Tử** “ **Tổ thuật Nghiêu Thuấn** “ của nền Văn hóa Nam phương, thì ngày nay **Kim Định** “ **Tổ thuật Tiên / Long** “.

Cơ cấu Việt Nho

Cơ cấu hay Nền tảng của Việt Nho là bộ Huyền số 2-3, 5 chúng ta tìm thấy trong *Huyền thoại Sách Ước* với hai trang Hỏa (2), Mộc (3) và 1 trang Trống Không (0: Hỏa), *Huyền thoại Tiên Rồng* với số 2, cây *Phủ Việt* với 2 *Giao long* và 3 *Người đầu đội lông chim* hay 3 con *Nai* , 5 viên đá *Ngưỡng Thiều* với 2 viên *mài nhẵn*, 3 *hòn để thô*, ngôi nhà 3 gian 2 chái, cái *tước*, cái *giá*, cái *đỉnh* đều có 2 tai 3 chân, trong *Trống đồng*, trong *chiếc áo dài* 5 Thân, trong *cách ăn nói*, trong *Sinh hoạt Dân gian* . . .

Nhờ đó mà tìm ra Việt Nho có Cơ cấu (Structure: Form) là **Bộ số Huyền niệm : 2-3, 5**.

Nội dung Việt Nho

Nội dung (Content) của Việt Nho nằm trong Ý nghĩa của bộ số Huyền niệm: 2 – 3 , 5, tất cả *Kinh Điển* của Nho cũng từ đó mà suy ra.

Số 2 là Dịch lý bất biến trong Vũ trụ, mang tính chất Tiến bộ trong trạng thái *Quân bình động* tức là luôn ổn định, **Dịch** là nền tảng của **Vũ trụ quan Động**

Số 3 là Nhân sinh quan Nhân chủ: con Người không *Duy Tâm*, không *Duy Vật*, mà gồm *Tâm / Vật lưỡng nhất*, nên tự *Chủ*, tự *lực tự Cường*.

Số 5 < Hành Thổ > là nguồn Tâm linh (dynamic force) tức là **nguồn Sống và nguồn Sáng**:

Nguồn Sống là **Vật chất** với các **định luật Khoa học**, (Có thể suy ra từ hành Thủy của *Ngũ hành*)

Nguồn Sáng là **Tinh thần** với lòng *Nhân ái* và *Lý Công chính* hay *Nhân / Nghĩa* cùng với **Định luật Tâm linh**. (Có thể suy ra từ hành Hỏa của *Ngũ hành*)

(Xem Tài liệu : *The Brain, Wave Particle duality, Two particle with zero spin*, trong các bài trước, ta còn thể liên tưởng nguồn Tâm linh với Công thức: $E=mc^2$ của Einstein.

Số 5: *The number 5 < **Hành Thổ** > is the most dynamic and energetic of all the single-digit numbers. It is unpredictable, always in motion and constantly in need of change. Although it is molded from an almost equal mix of masculine and feminine qualities, in general the 5 is slightly more feminine -- albeit a daring, tomboyish kind of feminine, with nothing demure or submissive about her. (Numerology: Number 5)*

Từ Việt Nho chúng ta có một **Chủ đạo hay Chính lược Hòa** cùng với **Lô đồ Tu, Tề, Tri, Bình** để Cứu và Dựng nước.

(Đã được bàn trong nhiều cuốn của Việt Nhân trên [vietnamvanhien.net.index](http://vietnamvanhien.net/index)).

Chủ đạo Hòa sẽ cung cấp cho các nhà làm Chính trị phương cách thiết lập các Cơ chế xã hội theo Tinh thần Dịch lý, hầu giúp các công trình xây dựng các Cơ cấu Xã hội vừa tiến bộ vừa luôn Ổn định, chứ cứ hô hào Đa Đảng Đa Nguyên mà xây dựng “ Chế độ Dân Chủ vô nền “thì chẳng đi đến đâu. Đa Đảng với Đa Nguyên mà lại không có Chủ Đạo Hòa thì chỉ là con Rắn nhiều Đầu kéo Xã hội lộn quanh mà chẳng đi tới đâu! Con Người cần phải có Tự do mới phát triển được, nhưng phát triển cũng có hai chiều: Chiều Chính Đạo và Chiều Tà Đạo.

Do đó mà làm Văn hoá là để tìm **Lẽ Sống hợp với Thiên Lý và Nhân Tâm mà Sống Tử tế với nhau** giúp cho cuộc sống không những được No ấm An vui, mà còn biết cách đem Đạo Lý Nhân sinh vào đời để phục vụ con Người, chứ không chỉ để trau dồi Kiến thức suông vô thưởng vô phạt để thỏa mãn óc tò mò như đa số quý Vị chúng tôi được gặp.

Thiền nghệ Công trình của Kim Định có **Khởi điểm** từ cái **Thấp**, đưa tới **Đáo điểm** Cao, nên khó được Liễu hiểu, nếu chưa thấu đạt tới được **nét Nhất quán của Công trình, nét đó mang “Vi Ngôn đại Nghĩa: Lời nói vi diệu giúp hành xử Công chính để nhân loại sống Hòa với nhau “.** **Vi Ngôn đại Nghĩa** chính là “ **Đại Đạo Âm / Dương hòa** “, giúp mọi người sống với nhau nhất là khi có sự bất đồng thì **Đối thoại với nhau theo Tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa** để đạt tới giải pháp Lưỡng lợi, cách sinh hoạt này gọi là đường lối **Chính Trung hay Trung Đạo**, khi đạt được thoả thuận thì không ai Hờn hay Thiệt hoàn toàn, nên khả chấp mà Hòa với nhau.

Nhiều Vị tìm hiểu Việt Nho vì khinh thường cái **Thấp** mà bỏ qua, nên không bao giờ nhận ra cái **Cao** , vì cái **Thấp / cái Cao, cái Nhỏ / cái To. . . là những cặp Đối cực của Dịch lý** luôn gắn kết với nhau .(E pluribus Unum: Out of **Many** : **One** : Đa = Nhất. (Câu Latin này cũng có ở trong Quốc huy (Great Seal) của Hoa Kỳ)

Để hiểu giúp rõ vấn đề này, Nho có câu: “ **Thể / Dụng nhất Nguyên, Hiển / Vi vô gián: Cái Thể hay Bản thể bên Trong (Tâm linh: Vô) và cái Dụng bên Ngoài (Khoa học : Hữu) có cùng một Gốc tức là Nhất Nguyên lưỡng Cực (Bipolar)**, Cái Hiện rõ Nhỏ nhất bên Ngoài và cái Vi diệu Lớn nhất bên Trong không có cách biệt (cặp đối cực Nhỏ / Lớn: Thái cực), nên khi tìm tới cái Nhỏ nhất là đụng tới cái Lớn nhất, do đó mà Tâm linh và Khoa học tuy Hai mà vẫn là Một như hai mặt của Đồng Tiền.

Cấu trúc của một Nguyên tử cũng tương tự như Cấu trúc của Thái Dương hệ là một minh chứng.

Do vậy, mà khi tìm hiểu Việt Nho nếu có kiến thức về cả hai lãnh vực Tâm linh và Khoa học thì mới dễ hiểu, khi có kiến thức về Tâm linh mà được kiện chứng bằng Khoa học thì giúp cho niềm tin về Việt Nho được sáng rõ hơn, vững chắc hơn, ngược lại nếu chỉ có kiến thức Khoa học mà thiếu kiến thức về Tâm linh thì khó cảm nghiệm được Việt Nho.

Theo Việt Nho thì Kiến thức Khoa học thuộc Dương, mà Việt Nho lại gồm cả: Âm / Dương (hoà), nên khi chỉ có khoa học (thuộc phần Phân tích các chi tiết) tức là phần Dương, mà thiếu Tâm linh (Phần Tổng hợp) tức là Âm thì chỉ mới đạt được một nửa Việt Nho, cũng vì lý do đó mà chúng ta nhận ra Tây phương còn thiên về Khoa học mà nhẹ về Tâm linh, còn Đông phương lại kém về Khoa học mà nghiêng về Tâm linh.

Hai lãnh vực Tâm linh và Khoa học cần bổ túc cho nhau, sao cho được Lương nhất (2 →1) thì mới là Triết lý An vi, Triết lý An vi chính là Linh hồn của Việt Nho.

Việt Nho và Triết lý An vi được khơi nguồn từ Thái cực, nghĩa là rộng khắp, nên Nho mới có Định nghĩa “ **Thông Thiên - Địa - Nhân viết Nho: Nho thông suốt được cả ba cõi Trời – Người - Đất** “, chúng ta cũng có thể thấy cảnh Vũ trụ hòa hay **Tiết nhịp hòa của Vũ trụ** (cosmic rhythm) qua các diễn đề trên mặt Trống Đông Ngọc Lũ, đó là **cuộc Ca Vũ của Tam Tài Thiên - Địa - Nhân theo vòng Tả nhậm hướng về Trung Tâm của Trống tức là Thái cực Âm Dương.**

(Ngôi sao 14 cánh chính giữa mặt Trống tượng trưng cho Âm: 14 ngày đêm tượng trưng cho tuần trăng Khuyết (crescent moon), 14 ngày đêm kế tiếp là tuần Trăng Tròn (full moon), một tháng có 2 tuần Trăng, còn 3 vòng ở giữa tượng trưng cho Dương.

Nên nhớ Mặt Trời là Tĩnh mà mặt Trăng lại Động theo chu kỳ Tròn Khuyết .)

Nếu đi sâu vào thì chúng ta sẽ nhận ra Việt Nho và Triết lý An vi là một cuộc Tổng hợp Đông Tây, Kim, Cổ.

(Xin xem Cuốn “ **Khi Đông Tay Giao hội** “ của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net.index)

Xem thế, chúng ta nên chịu khó tìm hiểu sâu xa thì mới nhận ra Việt Nho là Di sản quý báu của Tổ Tiên mình, đừng có mặc cảm cho Nho là của Tàu mà đã kích Việt Nho như một số người lầm tưởng hiện nay, lại nữa Nho không có Cũ, Mới, Quê mùa Lạc hậu gì hết, mà rất hợp với tinh thần Khoa học ngày nay, chính việc để cho mất Gốc Nho mới làm cho Dân tộc chúng ta bị phân hóa, mất hết Nội lực mà sa đọa!

Vài giòng góp ý với hai Cháu. Thân chúc hai Cháu luôn khỏe vui và tiến bước trên con đường Văn hoá Dân tộc- **nên Văn hoá Nhân bản** - với Châm ngôn “ **Chân cứng đá mềm** “.

Tái bút

1.-Bác muốn trao đổi với hai Cháu điều này: Theo Bác, thì Công trình của T. G. Kim Định vừa rộng và vừa sâu, nên chúng ta rón khiêm cung mà học hỏi, Bác thấy mình càng học thì

càng lòi cái dốt của mình ra, khi nhận ra được cái dốt là khi đó mình mới thông ra được một chút.

Khi học hỏi thì Cha ông ta khuyên: “ **Khẩu tụng Tâm suy**: Miệng đọc Tâm suy “, không những Miệng mà cả Mắt và cả Tai cũng đọc, còn Tâm thì cả **Tâm Tình** (nơi Bán cầu Não Phải) và **Tâm Trí** (nơi Bán cầu Não Trái) đều phải suy:

Khi đi vào Tâm Tình thì phải Tình để cảm nghiệm mà Hiểu, còn đi ra Tâm Trí thì phải Động để suy mà Biết, nên **Tâm Tình và Tâm trí có Lương nhất** (nhờ cầu nối Corpus Callosum) thì mới **Hiểu Biết** được, Vì đôi khi có **Hiểu mà không Biết**, nhiều khi có **Biết lại chẳng Hiểu**. khi có **Hiểu Biết** thì mới **Liễu hiểu nghĩa là Hiểu trọn vẹn hay Chu tri** (holistic knowledge), có Biết mà không Hiểu thường đưa tới cảnh **phiến diện** gây ra tranh cãi mà bị phân hóa.

2.- Trong bài của Cháu Tôn Phi có **hình bìa cuốn Cơ cấu Việt Nho với hình Ngũ hành với 5 góc**, theo Bác thì **hình đó đã phá Cơ cấu và Nội dung của Nho mất rồi**. Bác thấy hình đó trong cuốn Cơ sở Văn hóa (?) của TS. Trần Ngọc Thêm, không biết có phải sáng kiến của TS. Không ? Bác sẽ có vài ý đóng góp sau.

Thân ái,

Việt Nhân

T.B. Xin gửi thêm Bài: **Cơ cấu và Triết lý của Kim Định** để có thêm Ý kiến.

Bác sẽ gửi thêm bài: “ **Làm Từ thiện hay đem Công lý vào Xã hội** “. Góp ý với cô Giáo Vy.

để làm sáng tỏ Vấn đề Chính trị cũng như Chủ đạo Hòa. . .

Cơ cấu & Triết lý

(Kim Định)

1.- Đặt vị trí cho cơ cấu

“ Mục đích cơ cấu là cố đạt đến những luật tắc phổ biến nhất, thường hằng nhất của Lý trí đồng nhiên con người (les lois universelles et constantes de l'esprit invariant de l'homme) và như vậy là nó vượt qua đọt ngôn từ cũng như ý tưởng là những cái còn nằm trong vòng ý thức cá nhân. Cần phải vượt sang qua để đi vào vùng Tiềm thức thường được biểu lộ qua Thần thoại, qua những tác động tuy Vô thức mà vẫn vâng theo những luật lệ bất biến. Như trên đã nói Cơ cấu chính là con đường của Triết lý Việt Nho, vì Việt Nho cũng nhằm vượt qua đọt Từ (Từ đạt nhi dĩ hĩ) đọt Ý (không chú trọng luận lý) để đạt đến đọt Đức cũng gọi là Linh lực. Linh lực thường được biểu lộ bằng động tác mà không cần đến hình ảnh nữa, nên chỉ còn lại tác động tinh tuyền.

Vì thế mà Levi-Strauss gọi là đợt Zéro nghĩa là trống trơn, không còn Từ, Ý, Tượng . Nói khác càng lặn sâu vào trong Tâm hồn, con người càng không thấy cần đến biểu tượng, nên càng có may mắn hớp thẳng vào suối linh lực. Vì thế mà ông mong mỗi đạt tới đợt Zéro này. Và khi tới rồi thì xin xoá hết mọi việc đi trước (Văn chương, Ý hệ, Tiêu biểu, Thần thoại) để đi vào đợt Thẩm mỹ câm lặng (l'esthétique silencieux) được đại biểu bằng Nhạc.

Lấy đại để mà bàn thì đó cũng là chỗ nhắm của Triết lý Việt Nho trong câu “ Kinh Đức bình Triết ”, vì Kinh là đi thẳng đến, còn Đức là bầu linh lực.

Đi thẳng nghĩa là không đi qua Từ ngữ hay Ý hệ hoặc Thần thoại, vì tất cả còn là Biểu tượng, một loại sản phẩm của Ý (lý trí) còn là trung gian, nên vẫn hàm tàng nguy cơ lưu giữ con người lại trong việc ngắm nhìn, nói năng, suy tưởng, tưởng tượng. Cần tránh những trung gian đó để háng trọn được nguồn Linh lực trào ra. Vì thế mà cần dùng những gì uyển chuyển linh động như Nghệ thuật chẳng hạn. Trong Nghệ thuật thì vô hình vô dạng hơn hết là Nhạc. Bởi thế mà những nền Triết lý đi đến cơ cấu chú trọng nhiều nhất tới Nhạc như Việt Nho xưa đã vẫn chủ trương, mà nay Levi-Strauss cũng lưu ý. Ngoài ra Việt Nho còn chú trọng đến một số nghệ thuật khác như Lễ Nhạc. . . tất cả đều nhằm tác động vào toàn Thân Tâm con người:

Thi tác động vào Tình cảm

Lễ tác động vào Thân tâm

Nhạc là hoà đồng với Thiên Địa: “ Nhạc dữ thiên địa đồng hoà ”.

Tuy nhiên mặc dù nhạc là cao nhất trong thang nghệ thuật nhưng cũng chưa bằng Triết, ít ra trong việc soi sáng để minh nhiên hoá. Sự cảm hoá do Nhạc nặng về Tình, chưa thể đạt quân bình Tình Ý được như Triết. Vì thế mới nói : “ Muốn kinh Đức thì phải bình Triết ”.

Triết là gì ?

2 .- Vị trí của Triết

“ Chúng ta có thể chia Tâm trạng con người làm 4 đợt đại loại như sau:

Trước hết là “ **đồ nhân** ” . Tây phương kêu là “ người dưới phố ” đó là những người sống theo Lương tri. Lương tri đây không hiểu theo nghĩa Trí- Lương – tri của Vương Dương Minh hay của Mạnh Tử mà chỉ hiểu theo nghĩa Công cảm (sens commun) tức là cảm nghĩ như hầu hết mọi người cảm nghĩ như thế. Nói kiểu xã hội học thì đó là sống theo, chiều kích xã hội (la dimension sociale) tức làm như mọi người . Cái gì người ta cho là tốt thì “ là ” tốt, cho là xấu thì “ là ” xấu. Tiêu chuẩn đó thuộc công cảm. Như vậy thì **Công cảm còn thấp hơn Lương tâm**. Bởi xét về Tri thức thì Lương tâm cũng ở đợt này, nhưng về mặt Luân lý thì Lương tâm có chiều sâu hơn. **Người theo Lương tri** có thể lúc ở một mình xử đối khác lúc ở trước mặt Tha nhân, còn **người theo Lương tâm** thì dù ở một mình cũng cố giữ điều phải giữ. Tuy nhiên dù Lương tâm hay Lương tri chưa có gì là cao đủ để gọi là Triết. Họ có giữ cho hết cỡ cũng mới là **Thiện nơn**.

Muốn có chút Triết thì phải từ đợt hai trở lên gọi là **Tín nơn**, (có 6 bậc về người Quân tử : **Thiện, Tín, Mỹ, Đại, Thánh, Thần**) **phải biết bước từ Thiện nhân tới Tín nơn vì đó chính là bước tự công cảm đi sang Triết lý .**

Nói khác từ bỏ đợt “ người ta ” không có suy nghĩ tư riêng mà chỉ tuân theo ý nghĩ người khác, của thiên hạ (của dư luận, của tôn giáo, của thói quen) để bước lên **đợt Triết là khởi đầu suy nghĩ : tự mình gánh lấy trách nhiệm mãi từ đợt tối cao là quyết định tốt xấu thiện ác . . . mà Nietzsche kêu là dựng nên bằng giá trị .**

Đến đây chúng ta chạm vào một thực thể mới mà chưa có tên gọi xác định tức là Triết lý hay Triết học. Tuy danh từ chỉ là một ước lệ nên gọi thế nào cũng được, nhưng trong vấn đề này sự không đồng danh bao trùm một quan niệm dị biệt, vì thế tưởng cũng cần bàn tới.”

3.- Triết lý hay Triết học

“ Theo Việt Nho thì bên trên Thiện hơn còn có 5 đợt khác là Tín, Mỹ, Đại, Thánh, Thần. Và nếu theo đúng định nghĩa Triết thì phải tới đợt Thần mới là Hiền triết, nhưng chúng ta đã dễ dãi gọi là Triết từ đợt hai là Tín hơn. Tuy dễ dãi như vậy nhưng không nên quên đi thực thể đa tạp. Vậy cần tìm cho mỗi khía cạnh một tên gọi. Nói chung bên trên Thiện hơn là đến Triết, nhưng đi vào chi tiết thì Thiện hơn chưa đạt Triết mà mới là tỏ dấu mong ước đạt được Triết. Sự mong ước đó được biểu lộ đầu tiên bằng sự học hỏi kinh nghiệm của các Triết gia đã xuất hiện trong lịch sử để xem họ đi vào Triết như thế nào, gặp những vấn đề gì, giải đáp ra sao. Ai là thầy của họ, ai là môn đồ . . . , tất cả bấy nhiêu làm nên một khoa học giống như một thứ Sử học và vì thế ta sẽ gọi đó là Triết học. Nhưng danh từ này còn quá chung không đủ cho thực tại rất phiền toái vì có người đạt, có người không, người đạt nhiều kẻ đạt ít. Hãy căn cứ vào 3 cơ năng Ý, Tình, Chí mà nói thì có đến 3 cách vượt lên tùy đặt quan trọng trên Tình hay Ý, hoặc trên cả hai là Chí. Nếu căn cứ trên Ý hay Lý trí, thì chú trọng đến biết, nếu chú ý tới Tình thì là Liễu hiểu (comprehension) tức chú ý tới Toàn bộ, tới sự đào luyện tính khí, tính tình. Còn biết là học cho biết sự kiện, như nhà chuyên môn. Có thể biết mà không hiểu như rất nhiều nhà bác học, ngược lại có thể hiểu mà không biết hay biết ít, như rất nhiều ông già bà cả ở thôn quê. Nước Nam ta được nhiều người ngoại quốc xưng tụng là có nhiều Triết hơn, thì chữ Triết hơn đây thuộc về hiểu, còn những người đi học Triết thì thuộc về biết.

Nếu ta ước định với nhau mà gọi đó là Triết học, Triết học gia, thì ta sẽ dành tiếng Triết lý cho những người có thể biết nhiều hay ít nhưng có hiểu, theo nghĩa liễu hiểu . Vì có liễu hiểu nên có tác động theo sau, bởi thế khi nói Triết lý thì tự nhiên ta nghĩ đến làm đến Sống. Nhưng Làm và Sống ở đây được hướng dẫn do Minh triết chứ không do Công cảm hay Lương tri. Như thế hết mọi người sống đều do Lương tri do Công cảm, trong đó có một ít, rất ít người thêm ánh sáng Triết lý. Như vậy xưng Triết lý trên Triết học là căn cứ theo 4 đợt học theo sách Luận Ngữ là : học, thích, lập, quyền , mà ta có thể ghép:

Triết học với việc Học đợt I
Triết lý với hai đợt Thích và Lập
Minh triết với đợt Quyền (biến) .

Một số tác giả chỉ chia ra có 2 là Triết lý để chỉ chung cho mọi người : ai đã sống cũng đều có Triết lý; còn Triết học là một khoa học có phương pháp, có hệ thống và lịch sử . . . Chúng tôi cho lối chia như thế quá đơn sơ không đủ để chỉ định nhiều cấp bậc trong Triết như 3 cấp:

Học, Học – hành và Học – hành đạt.

Đó là 3 cấp rất khác nhau cần phải có tên khác nhau. Tiên bộ là ở chỗ đó: con người càng tiến bộ càng nhận ra nhiều dị biệt trong một thực thể mới đầu tưởng là đơn giản, và mỗi khi nhận xét ra được một khía cạnh mới thì đặt thêm tên gọi. Hãy đưa ra một thí dụ giả tưởng là người cổ sơ mới chỉ biết có núi và gọi là núi, nhưng càng ngày càng tiến thì càng nhận ra có núi, có đồi, có non, rồi núi đá vôi, núi thạch nham. . . cũng vậy thoạt xem tưởng chỉ có Triết học, nhưng xét kỹ thì có nhiều cấp bậc: người xưa chia ra 4 đợt như vừa nói, chúng tôi tạm rút lại 3 bằng **dồn Thích và Lập lại làm một và gọi là Triết lý**. Chữ Lý có nghĩa là chỗ ở và dặm đường, cả hai gọi ý **Đi (thích) và Ở (lập)**. Cả hai chữ đó tới quan trọng trong Triết lý Nhân sinh.

Chữ Đi nói lên tính cách sinh động cùng nghĩa với Đạo; còn chữ Ở theo nghĩa của Triết hiện đại (của Holderling chẳng hạn) là đem hết Tâm hồn để vào cái gì. “ Đem hết Tâm hồn ” là nói lên cái gì Toàn bộ. Còn Triết học thì chỉ cần đem hết Lý trí vào là đủ: nghĩa là có thể học về Triết như một tri thức lạnh lùng không gây ảnh hưởng nào vào đời sống chi cả .

Nhận danh từ này nọ kia khác chỉ là truyện ước định nên rất thông dong, miễn là tiếng đó chưa được dùng để chỉ thực thể khác và cũng chưa bị phế thải. Đó là điều kiện thiếu cho chữ Triết lý dùng để chỉ mọi lối sống. Trước hết vì đối với triết Việt (cả Hán lẫn Việt) thì đã nói đến Triết là phải hiểu cái gì cao siêu. Khen ai là Triết nhơn là đề cao lắm rồi.

Vì thế phải định nghĩa Triết là Triệt: Triệt thượng cũng như Triệt hạ . . .

Triệt Hạ là người ăn ở khôn ngoan như Công cảm chấp nhận. Còn **triệt Thượng** là khi người đó hiểu sâu xa tại sao lại ăn ở như vậy, và nếu đôi khi không thì hành đúng như Đạo lý mà phải quyền biến thì đó là **Hoà nhi, mà trong bụng lại Bất đồng**.

Người Đồ nhơn là người ăn ở khôn ngoan, nhưng thiếu phần Bất đồng này tức thiếu triết Thượng, nên khi họ làm như mọi người là đồng hồ lưu tục tức sống theo đàn cừ, với hồn khóm.

Triết lý thì lại theo tinh thần độc lập “ bất ỷ ”: hai đảng khác nhau hẳn, không thể chỉ bằng một ngữ thuật chung và đây là bất tiện thứ nhất. Sau là lối gọi đó có thể kèm theo sự khinh miệt Văn hoá Đông phương cho là Đông phương không có Triết học.

Câu nói đó rất quen tai trong thời Pháp thuộc, nhưng đến khi dành lại độc lập thì tỏ ra bất tiện vì ngảng trở không cho đưa Triết Đông vào chương trình Giáo dục. Vậy để tránh mang tiếng vọng ngoại thì có thể chủ trương rằng: Tuy Đông phương không có **Triết học** chứ cũng có **Triết lý**, vì hễ ai đã sống là đều có một Triết lý.

Kiểu nói đó duy trì được chủ trương Đông phương không có Triết học, mà vẫn để cho chương trình Giáo dục dạy Triết Đông dưới danh hiệu Triết lý hay Đạo học. Đó là thái độ nhân nhượng để đáp ứng tình Yêu nước hoặc sự Hạnh diện quốc gia, chứ thâm tâm thì không tin Đông phương có Triết học chi cả. Vì quả thực Đông phương không có như thế. Lý do ? Thừa là tại:

4.- Đông Tây đôi ngả

Đông khác Tây nên cũng không có Triết theo lối Tây. Vậy nếu đã suy tôn Triết Tây làm mẫu duy nhất cho mọi nền Triết thì quả là Đông phương thiếu Triết. Nhưng vấn đề được đặt ra là có thực Triết Tây là nền Triết học mà bất cứ Triết nào cũng phải tuân theo nếu muốn xứng danh Triết ? Đó là điều mà hầu hết thế hệ trước đã làm theo bằng cách đồng hóa ý - hệ nhiều khi cả Khoa học với Triết .

Nhưng hiện nay thì cả hai điểm đều đang bị đá kích:

Điểm nhất là **Ý - hệ** thì bị ví với cái lưới mắt quá thưa, không bắt được thực tại tế vi, con người quá phức tạp và vi tế, không dễ gì đóng rọ vào hệ thống.

Còn việc đưa **Khoa học vào Triết** là biểu lộ những thợ Triết quên không thấy được giá trị Triết mới phải đi mượn uy tín của Khoa học, không ngờ rằng làm thế là hạ giá Triết. Không khác chi bà Chúa đi mượn áo của đoàn Hậu.

Vì **Triết là cái nhìn tổng quan trùm khắp, còn Khoa học đi đến từng đối tượng bé nhỏ và cần xác định**.

Không hiểu được như thế mà lạm bàn tùm lum sang bên khoa học thì chỉ là làm việc rỗng tuếch. **Hễ Triết nào đã phải đưa vào khoa học thì đây là thứ Triết ăn mỳ.**

Giáo sư Dufrenne đã nặng lời lên án lối vay mượn vô duyên đó, vì nó chỉ làm ra được một thứ Triết học giả tạo với cái thượng tầng Ý hệ nguy nga, nhưng giả tưởng trừu tượng. Chính vì mấy cái làm kịch xù đó (**làm Tri thức với Liễu hiểu, làm Ý hệ đã là Triết, làm Khoa học bên trên Triết . . .**) đã khiến cho những người như Levi- Strauss phải thất vọng về Triết, vì nó làm khô héo Tâm hồn.

Xem như vậy thì hai điều vắng bóng khiến người ta nghĩ Đông phương không có Triết học lại là những điều hại cho Triết chân thực, mà Việt Nho đã may mắn tránh được.

Khổng Tử dặn môn sinh: “ **Quân tử bất khí** ” : người muốn làm Quân tử nghĩa là muốn làm Triết nhơn không nên để lòng bị trói buộc vào một món chuyên môn, vì nó sẽ làm ú trệ Tâm hồn, méo mó Lý trí không vươn lên được tới cái nhìn bao la cần thiết cho Triết nhơn.

Chính là vì thế khi người ngoại quốc nói trong đám Thôn dân Việt Nam có nhiều Triết nhơn thì là câu nói có nền tảng, nó không khác câu nhận xét chung của ông Columella rằng: “ **đời sống đồng áng cùng họ máu với Minh triết : la vie rurale est consanguine à la sagesse** ” (Civ. VIII 149).

Sở dĩ như vậy là người nông dân vừa không bị nguy tạo (sophistiqué) bởi những Ý hệ, lại được tiếp cận với đời sống Thiên nhiên, nên được hướng dẫn xa xa bằng một nền Minh triết như trường hợp người Thôn dân Việt Nam thì bảo rằng có nhiều Triết nhơn giữa họ có lạ chi đâu. Ít người trong chúng ta nhận ra điều đó vì không biết nhìn qua cái nghèo nàn, trơ trụi của họ, nên khó thấy được cái mặt Triết nhơn của cụ già thôn quê mà ông Paul Mus đã cho in trên bìa quyển Sociologie d'une guerre và sánh với khuôn mặt của Esope, còn bộ diện đứa cháu là của một ông hoàng.

Đó cũng là lý do giải nghĩa tại sao lại có những nét hăm trên khuôn mặt của nhiều Tiên sĩ Triết học : là tại không biết vượt thông thái kên coi dạng hoà mình vào Chủ đạo.

Vì thế điều quan trọng hơn hết cho người đi học Triết là phải có một cái nhìn toàn cảnh về Triết để khi lặn lội vào rừng chữ nghĩa sách vở có chỗ để lâu lâu hướng về, để bỏ Triết học sang Triết lý hầu đạt Minh triết .

Chính bởi vậy mà khi đi vào Triết Đông nếu có cơ duyên gặp sách hay thầy giỏi thì sẽ cảm thấy một sự thích thú sâu xa biến đổi cả một đời người làm cho cuộc sống được thanh thoát, khiến cho cái học trở nên đầy thích thú. Và đó phải là hướng tiến tới của nền Văn hoá nước nhà .

Để đẩy mạnh hướng đi này chúng ta sẽ gọi đó là hướng Văn – Triết . Đó là một hướng tiến sẽ hết sức mênh mông mở ra cho mọi tài năng đủ loại : Thi, Ca, Nhạc, Kịch. . . và do đó sẽ mang muôn sắc thái không thể xác định và cũng không nên xác định .

Vì thế trong chương sau chúng tôi chỉ dựa trên quan sát thử đưa ra một số nét đã xuất hiện hầu giúp cho có một hai ý niệm sơ sài thế nào là Văn – Triết . “

Việt Nhân

www.vietnamvanhien.org